Pháp Hoa kinh thông nghĩa

Đại sư ĐỨC THANH
HT. THÍCH TRÍ TỊNH dịch-giảng

Pháp hoa kinh thông nghĩa

(TẬP 3–TRỌN BỘ 3 TẬP)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
HÀ NỘI - 2007

MƯỜI LĂM

Phẩm Tùng địa dũng xuất

Ý có phẩm này là để hiển bày tự tâm phát ra sự giác ngộ, hằng sa tánh đức hiện tiền, mới hết diệu hạnh của sự thọ trì kinh. Do vì trước kia hàng Thanh văn được thọ ký, dù rằng nguyện trì kinh, nhưng tự lực không đủ, tuy vào sinh tử hiểm đạo, cần phải nhờ tha lực. Do đó, Phật muốn khiến hàng Bồ-tát điều phục và hộ trì, vì ở nơi tâm còn có chỗ chưa an. Hôm nay, các vị từ phương xa đến, gồm có tám Hằng hà sa số Bồ-tát, đều

nguyện thủ hộ kinh này, nhưng đức Thế Tôn ngăn không hứa khả. Vì sao? Vì họ đều từ bên ngoài đến, trong Tông môn chỗ gọi rằng *"từ ngoài cửa đem vào chẳng bằng trân bảo trong nhà"*. Đến ngay ở trong lòng của mình mà lưu xuất ra mới là che trời trùm đất, nên Phật nói: *"Ta tự có chúng Đại Bồ-tát số đông bằng số cát của sáu muôn sông Hằng từ đất vọt lên"*. Thể dụng đều bày cả hai cho nên gọi là quyến thuộc đồng đẳng. Dùng tánh đức này để trì kinh như thế mới có thể khế hợp với Pháp thân. Cho nên, từ nơi hư không, hướng về hai đức Thế Tôn. Đến đây, cái thấy sinh diệt đều mất, dài và ngắn (lâu, mau) đồng thời. Vì thế mà trải qua năm mươi tiểu kiếp lại cho rằng như nửa ngày. Dùng chỗ xứng tánh này để thành hạnh, cho nên bốn vị thượng thủ đều do hạnh mà đặt tên. Ý hiển bày trì kinh như ở đây mới xứng với bản hoài của đức Như Lai.

Bởi do nơi bốn hạnh an lạc được thành tựu mà y như vậy. Nhờ tánh đức hiện tiền, chứ không do tâm thức phân biệt mà biết, nên ngài Di-lặc cùng tám ngàn Hằng hà sa chúng đều sinh tâm nghi ngờ, nói rằng: Trong đây chẳng biết một người. Thế

nên, cùng với thị giả của chư Phật thưa hỏi. Đây không phải là duyên nhỏ, nên trước hết Phật khuyên gắng nên lấy giáp tinh tấn để mặc, phát tâm kiên cố mới có thể tin thọ. Đức Như Lai tự nói rằng: *"Hôm nay Phật muốn hiển phát tuyên thị trí huệ, sức tự tại thần thông, sức Sư tử phấn tấn, sức oai mạnh đại thế của chư Phật. Như vậy, bản hoài của chư Phật đều ở nơi đây"*, há là việc nhỏ!

Tuy nhiên, đức Thế Tôn bảo rằng hàng đại chúng này đều đã được giáo hóa từ khi Như Lai thành đạo đến nay, ban đầu khiến họ phát tâm giáo hóa, cho nên ngài Di-lặc và đại chúng đều khởi tâm nghi ngờ. Cho rằng từ khi đức Thế Tôn thành đạo đến nay, trong bốn mươi năm giáo hóa chúng sinh đều ở trong hội Linh Sơn, mà đại chúng từ đất vọt lên đây, xưa chỗ chưa từng thấy. Hơn nữa, chúng con một bề mong Phật giáo hóa cho đến nay mà sự hiểu biết còn yếu kém. Còn đại chúng này đều là những người từ lâu đã trồng cội đức, gieo sâu thiện căn. Làm sao ở trong một thời gian ngắn mà giáo hóa được chúng đông như vậy. Nên nói thí dụ cha trẻ con già để thuật lòng nghi của mình.

Đại chúng từ đất vọt lên để hiển bày cái Tích vi diệu. Còn phẩm Như Lai Thọ Lượng đặc biệt biểu hiện cái Bổn vi diệu. Đó là để trừ kiến chấp thế giới hiện tượng của hàng Nhị thừa và để hiểu rõ Pháp thân thường trụ không lệ thuộc pháp sinh diệt. Vì thế, phẩm này liền với phẩm Như Lai Thọ Lượng làm thành thứ đệ cho nhau.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, các vị Đại Bồ-tát ở cõi nước phương khác đông hơn số cát của tám sông Hằng, ở trong đại chúng đứng dậy chắp tay làm lễ mà bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Nếu bằng lòng cho chúng con lúc sau khi Phật diệt độ ở tại cõi Ta-bà này siêng tu tinh tấn, giữ gìn đọc tụng, biên chép, cúng dường kinh điển này, thời chúng con sẽ ở trong cõi đây mà rộng nói đó".

Khi đó, Phật bảo các chúng đại Bồ-tát: "Thiện nam tử! Thôi đi chẳng cần các ông hộ trì kinh này. Vì sao? Vì cõi Ta-bà của Ta tự có chúng Đại Bồ-tát số đông bằng số cát của sáu muôn sông Hằng. Mỗi vị Bồ-tát có sáu muôn Hằng hà sa quyến thuộc, những người đó có thể sau khi Ta diệt độ hộ trì đọc tụng rộng nói kinh này."

Giảng giải:

Đây là nói chúng Bồ-tát ở phương (cõi) khác,

nguyện ở cõi Ta-bà rộng thọ trì kinh Pháp Hoa này, đức Phật im lặng không hứa. Ý của Phật muốn cho người thọ trì kinh này cần phải trụ ở nơi tánh đức hoàn hảo của mình, không mượn bên ngoài, sắp hiển bày Bổn Tích vi diệu và Pháp thân thường trụ, không thuộc vào sự sinh tử khứ lai. Thế nên, Ngài nói: *"Chẳng cần các ông hộ trì kinh này. Vì sao? Vì cõi Ta-bà của Ta tự có chúng Đại Bồ-tát số đông bằng số cát của sáu muôn sông Hằng. Mỗi vị Bồ-tát có sáu muôn Hằng hà sa quyến thuộc, những người đó có thể sau khi Ta diệt độ hộ trì đọc tụng rộng nói kinh này"*. Số Bồ-tát này đều lấy sáu muôn mà nói, ý tiêu biểu cho sáu thức chuyển thành trí, thì Hằng hà sa tánh đức liền đó hiện tiền, chỗ gọi là *"tự tánh tông thông diệu dụng vô cực"*. Nếu gá vào sáu thức bên ngoài thì sa vào danh ngôn phân biệt, không phải chỗ vi diệu của trì kinh, nên điều kiện bên ngoài không phải là chỗ nương nhờ được.

Chánh văn:

2. Lúc Phật nói lời đó, cõi Ta-bà, trong Tam thiên đại thiên cõi nước đất đều rúng nứt, mà ở trong đó có vô lượng nghìn muôn ức vị Đại Bồ-tát đồng thời vọt ra. Các vị

Bồ-tát đó thân đều sắc vàng, đủ ba mươi hai tướng tốt cùng vô lượng ánh sáng, trước đây đều ở dưới cõi Ta-bà này, cõi đó trụ giữa hư không. Các vị Bồ-tát đó nghe tiếng nói của đức Thích-ca Mâu-ni Phật nên từ dưới mà đến.

Giảng giải:

Đây là ứng với lời nói của đức Phật, tự nói mình có sáu muôn Hằng hà sa chúng, đồng thời từ dưới đất vọt ra nơi trước chúng. Nói *"Tam thiên đại thiên cõi nước đất đều rúng nứt, mà ở trong đó có vô lượng nghìn muôn ức vị Đại Bồ-tát đồng thời vọt ra"*, nghĩa là đất vốn là Nhất chân Pháp giới, trước kia do vô minh mê hoặc kết tụ nên tánh đức ẩn mà chẳng hiển hiện được. Nay pháp âm của Phật một khi đi vào, làm màn vô minh bị phá, nên tự tánh toàn hiển bày, diệu ngộ được tự tâm, nên Hằng hà sa tánh đức đều ở nơi tâm nguyện, diệu dụng vô biên. Như vậy mới có thể trì kinh, chẳng phải những danh ngôn phân biệt bên ngoài mà so sánh được. Thế nên, chẳng cần ở phương khác trì kinh này, chính là đây vậy. Còn nói chư Bồ-tát đều đầy đủ đức tướng của Phật, vì đức và dụng không hai. Bởi do nơi Bản giác diệu minh tâm thể, nên thân của Bồ-tát đều là kim sắc và có vô lượng ánh sáng.

Thế giới y nơi Pháp tánh không, nên ở Hạ phương thế giới này, an trú trong hư không. Nhờ Thủy giác có công đức nên Bản giác hiển bày, thế nên khi nghe pháp âm của Phật liền từ dưới đất vọt ra mà đến, ý hiển bày âm văn làm giáo thể vậy.

Chánh văn:

3. Mỗi vị Bồ-tát đều là bậc đạo thủ trong đại chúng, đều đem theo sáu muôn Hằng hà sa quyến thuộc, huống là những vị đem năm muôn, bốn muôn, ba muôn, hai muôn, một muôn Hằng hà sa quyến thuộc. Huống là nhẫn đến những vị đem một Hằng hà sa, nửa Hằng hà sa, một phần Hằng hà sa, nhẫn đến một phần trong nghìn muôn ức Na-do-tha phần Hằng hà sa quyến thuộc. Huống là những vị đem nghìn muôn ức Na-do-tha quyến thuộc, huống là đem ức muôn quyến thuộc, huống là đem nghìn trăm muôn nhẫn đến một muôn, huống là đem một nghìn, một trăm nhẫn đến mười quyến thuộc, huống là đem năm, bốn, ba, hai, một người đệ tử. Huống lại là những vị riêng một mình ưa hạnh viễn ly, số đông vô lượng vô biên dường ấy, tính đếm thí dụ chẳng có thể biết được.

Giảng giải:

Đây là nói các vị Bồ-tát từ dưới đất vọt lên,

đều có đem theo quyến thuộc nhiều ít không đồng nhau.

Nghĩa là các quyến thuộc đem theo đó, lấy số chung là Hằng hà sa, tính dần dần từ nhiều đến ít Hằng hà sa, cho đến riêng một mình không có quyến thuộc. Con số Hằng hà sa là ý muốn hiển bày số lượng vô cùng. Chủ bạn chẳng đồng, thể và dụng cùng không bình đẳng.

Chánh văn:

4. Các vị Bồ-tát đó từ dưới đất lên, đều đến nơi tháp đẹp bảy báu, chỗ của đức Đa Bảo Như Lai và Thích-ca Mâu-ni Phật, đến nơi rồi hướng về hai vị Thế Tôn mà đầu mặt lạy chân Phật và đến chỗ các đức Phật ngồi trên tòa Sư tử dưới cội cây báu, cũng đều làm lễ. Đi quanh bên mặt ba vòng, chắp tay cung kính dùng các cách ngợi khen của Bồ-tát mà ngợi khen Phật, rồi đứng qua một phía, ưa vui chiêm ngưỡng hai đấng Thế Tôn.

Từ lúc các vị Bồ-tát do từ dưới đất vọt lên dùng các cách ngợi khen của Bồ-tát mà khen ngợi Phật, thời gian đó trải qua năm mươi tiểu kiếp.

Bấy giờ, đức Thích-ca Mâu-ni Phật nín lặng ngồi yên, cùng hàng Tứ chúng cũng đều nín lặng năm mươi

tiểu kiếp, vì do sức thần của Phật, khiến hàng đại chúng cho là như nửa ngày.

Bấy giờ, hàng Tứ chúng cũng nhờ sức thần của Phật, thấy các Bồ-tát đầy khắp vô lượng nghìn muôn ức cõi nước hư không.

Giảng giải:

Đây là nói oai nghi diện kiến Phật của các Bồ-tát từ đất vọt lên. Còn nói các vị đó đều từ hư không hướng về hai đức Thế Tôn nghĩa là nhập vào Pháp giới không tánh, diệu khế Pháp thân. Dùng các thứ pháp tán thán mà khen ngợi Phật, như thế trải qua thời gian năm mươi tiểu kiếp. Còn nói đại chúng cho là như nửa ngày là nói sâu chứng Thật tướng, nhập Pháp giới tánh thì lâu mau hay dài ngắn đều bằng nhau.

Kinh Hoa Nghiêm nói: *"Một niệm khắp thấy vô lượng kiếp, vô khứ, vô lai, cũng vô trụ"*, gọi là *"mười đời xưa nay, thủy chung chẳng rời đương niệm, trọn không có cái tướng dài và ngắn"*. Còn nói hàng Tứ chúng do nơi thần lực của Phật mà thấy các Bồ-tát đầy khắp hư không, đó gọi là *"vô biên sát cảnh, tự và tha chẳng cách nhau ở nơi đầu lông"*. Do Pháp giới tánh không, không có lực tạo

tác vi diệu, chẳng phải hàng Tam thừa có thể thấy, nên phải nhờ nơi thần lực của Phật mới thấy.

Chánh văn:

5. Trong chúng Bồ-tát đó có bốn vị đạo sư: 1. Thượng Hạnh; 2. Vô Biên Hạnh; 3. Tịnh Hạnh; 4. An Lập Hạnh. Bốn vị Bồ-tát này là bậc thượng thủ xướng Đạo sư trong chúng đó, ở trước đại chúng bốn vị đồng chắp tay nhìn đức Thích-ca Mâu-ni Phật mà hỏi thăm rằng: "Thưa Thế Tôn, có được ít bệnh, ít não, an vui luôn chăng? Những người đáng độ thọ giáo dễ chăng? Chẳng làm cho đức Thế Tôn sinh mỏi nhọc chăng?".

Khi đó, bốn vị Bồ-tát nói kệ rằng:

Thế Tôn được an vui
Ít bệnh cùng ít não,
Giáo hóa các chúng sinh,
Đặng không mỏi nhọc ư?
Lại các hàng chúng sinh
Thọ hóa có dễ chăng?
Chẳng làm cho Thế Tôn
Sinh nhọc mệt đó ư?

Giảng giải:

Đây là nói bậc thượng thủ trong đại chúng

đến thăm hỏi đức Thế Tôn, đó là tiêu biểu gần gũi và tùy thuận tánh giác. Trì kinh lấy diệu hạnh làm đầu, nên đều có tên là Hạnh (bốn vị Bồ-tát đều là Hạnh). Lời thăm hỏi, nói bệnh não và mệt mỏi, đó là để thấy đức Thích-ca thị hiện cùng với mọi người đồng khổ hoạn. Hơn nữa, muốn nói cõi Ta-bà nhiều điều tệ ác, khó có thể giáo hóa.

Chánh văn:

6. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn ở trong đại chúng Bồ-tát mà nói rằng: "Đúng thế! Đúng thế! Các Thiện nam tử! Đức Như Lai an vui, ít bệnh, ít não, các hàng chúng sinh hóa độ được dễ, không có nhọc mệt".

"Vì sao? Vì các chúng sinh đó, từ nhiều đời nhẫn lại, thường được Ta dạy bảo, mà cũng từng ở nơi các Phật quá khứ, cung kính tôn trọng, trồng các cội lành. Các chúng sinh đó mới vừa thấy thân Ta, nghe Ta nói pháp, liền đều tin nhận, vào được trong huệ của Như Lai, trừ người trước đã tu tập học hạnh Tiểu thừa; những người như thế Ta cũng khiến được nghe kinh này, vào trong huệ của Phật".

Giảng giải:

Đây là đức Như Lai đáp lại lời thưa hỏi của đại chúng, chánh hiển bày sự vi diệu của Bổn (sự

chân thật) và Tích (sự thị hiện). Nói rằng chúng sinh này đời đời được Phật Thích-ca giáo hóa tức là duyên pháp đã thuần thục. Nói cúng dường nhiều Phật tức là tích tụ phước đức được thuần hậu. Đây là dẫn chứng được nhân duyên từ xưa của đức Phật Đại Thông Trí Thắng. Thế nên, hôm nay một khi gặp Phật, nghe pháp liền được vào Phật huệ, đó là chỉ cho các vị Bồ-tát Thượng căn thượng trí. Trừ những người trước kia đã tu tập hạnh Tiểu thừa, hôm nay nghe kinh này cũng khiến cho họ được vào Phật huệ. Thế mới biết, chư Phật hóa độ chúng sinh chính là ở nơi người có duyên. Kẻ phàm phu ngày nay là người tệ ác không tin, đó là vì họ chưa gieo được duyên chủng, thế nên hôm nay chú trọng nơi trì kinh để kết duyên cho tương lai. Do đó, Như Lai vội vã tìm người, nhưng phải là người khế hợp với duyên chủng Phật tâm, thâm thể nơi Phật hạnh, mới có thể nhẫn chịu chướng duyên. Rất khó gặp người như vậy.

Chánh văn:

7. Lúc ấy, các vị Đại Bồ-tát nói kệ rằng:

Hay thay! Hay thay!
Đức Đại hùng Thế Tôn

Các hàng chúng sinh thảy
Đều hóa độ được dễ.
Hay hỏi các đức Phật
Về trí huệ rất sâu
Nghe pháp rồi tin làm
Chúng con đều tùy hỷ.

Khi đó, đức Thế Tôn khen ngợi các vị Đại Bồ-tát thượng thủ: "Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử! Các ông có thể đối với đức Như Lai mà phát lòng tùy hỷ".

Giảng giải:

Đoạn này nói các vị Bồ-tát đến nghe Phật nói chúng sinh dễ hóa độ, các vị đó đều phát tâm. Cho nên nói: *"Chúng con đều tùy hỷ"*. Đức Phật tán thán chúng Bồ-tát có tâm tùy hỷ, mừng nơi pháp đó đã có người ký thác.

Chánh văn:

8. Bấy giờ, ngài Di-lặc Bồ-tát cùng tám nghìn Hằng hà sa các chúng Bồ-tát đều nghĩ rằng: "Chúng ta từ xưa nhẫn lại chẳng thấy, chẳng nghe các chúng Đại Bồ-tát như thế từ dưới đất vọt lên, đứng trước đức Thế Tôn, chắp tay cúng dường thăm hỏi Như Lai".

Lúc đó, ngài Di-lặc Bồ-tát biết tâm niệm của tám

nghìn Hằng hà sa chúng Bồ-tát, cùng muốn tự giải quyết chỗ nghi của mình, bèn chắp tay hướng về phía Phật, nói kệ hỏi rằng:

Giảng giải:

Đây là ngài Di-lặc Bồ-tát nhân nơi chúng lòng nghi của đại chúng mà đặt ra lời hỏi về nhân duyên của đại chúng Bồ-tát mới đến. Nói *"tám nghìn Hằng hà sa chúng Bồ-tát cùng muốn tự giải quyết chỗ nghi của mình"* là hiển bày tám thức chưa phá, nghĩa là tánh đức diệu dụng này không phải là thức tâm phân biệt có thể biết được, nên đều sinh lòng nghi, do vậy mà nói *"chẳng thấy, chẳng nghe"*. Di-lặc là bậc Tôn sư của Duy Thức Tông, biết tâm niệm của đại chúng, nên vì chúng sinh mà thưa thỉnh để giải quyết chỗ nghi, dùng kệ để hỏi vậy.

Chánh văn:

9. Vô lượng nghìn muôn ức
Các Bồ-tát đại chúng
Từ xưa chưa từng thấy
Nguyện đấng Lưỡng Túc nói
Là từ chốn nào đến
Do nhân duyên gì nhóm.

Giảng giải:

Đoạn này hỏi về nhân duyên nhóm họp của đại chúng.

Chánh văn:

10. Thân lớn đại thần thông
Trí huệ chẳng nghĩ bàn
Chí niệm kia bền vững
Có sức nhẫn nhục lớn
Chúng sinh chỗ ưa thấy
Là từ chốn nào đến?

Giảng giải:

Đoạn này nói chúng Bồ-tát nhóm họp đến từ bên ngoài (thân tướng, thần thông)... cũng như bên trong (chí niệm, nhẫn nhục, trí huệ) đều khác thường, không biết họ từ đâu đến.

Chánh văn:

11. Mỗi mỗi hàng Bồ-tát
Đem theo các quyến thuộc
Sô đông không thể lường
Như số Hằng hà sa.
Hoặc có Đại Bồ-tát

Đem sáu muôn Hằng sa
Các đại chúng như thế
Một lòng cầu Phật đạo.
Những Đại sư đó thảy
Sáu muôn Hằng hà sa
Đều đến cúng dường Phật
Cùng hộ trì kinh này.
Đem năm muôn Hằng sa
Số này hơn số trên
Bốn muôn và ba muôn
Hai muôn đến một muôn
Một nghìn, một trăm thảy,
Nhẫn đến một Hằng sa
Nửa và ba bốn phần
Một phần trong ức muôn
Nghìn muôn Na-do-tha,
Muôn ức các đệ tử
Nhẫn đến đem nửa ức
Số đông lại hơn trên.
Trăm muôn đến một muôn
Một nghìn và một trăm
Năm mươi cùng một mươi
Nhẫn đến ba, hai, một

Riêng mình không quyến thuộc
Ưa thích ở riêng vắng
Đều đi đến chỗ Phật
Số đây càng hơn trên.

Giảng giải:

Đây là hỏi về chư Bồ-tát đến nhóm họp gồm chủ bạn, nhiều ít chẳng đồng. Có người mang theo sáu muôn Hằng hà sa, cho đến những người mang theo một phần ức (ức: 10 triệu; tỷ: 1.000 triệu) muôn, là trình bày những bạn quyến thuộc được đem đến. Người đem theo chúng ít thì nhiều hơn, đông hơn người dắt theo quyến thuộc nhiều. Trước hết tính nơi số ít mà nói ngàn muôn Na-do-tha, đây là tính nơi số cai mà hỏi, từ số cai nhẫn đến riêng một mình. Số ít dần dần trở nên đông hơn chúng đem theo số nhiều. Văn dịch rất khéo, suy nghĩ mới thấy. Chỉ xem câu kết là *"số đây càng hơn trên"* thì tính theo lớp nhẫn xuống, dần dần đông hơn số nhiều ở trên.

Chánh văn:

12. Các đại chúng như thế
Nếu người phát thẻ đếm

Quá nơi kiếp Hằng sa
Còn chẳng thể biết hết.
Các vị oai đức lớn
Chúng Bồ-tát tinh tấn
Ai vì đó nói pháp
Giáo hóa cho thành tựu
Từ ai, đầu phát tâm?
Xưng dương Phật pháp nào?
Thọ trì tu kinh gì?
Tu tập Phật đạo nào?

Giảng giải:

Đoạn này hỏi rõ các Bồ-tát mới đến do ai giáo hóa. Vì họ từ dưới đất vọt lên chẳng phải là việc thường thấy, hơn nữa, trụ ở phương dưới trong hư không. Cõi ấy không ai thấy được nên sinh nghi. Do thấy đại chúng này oai nghi, trí huệ mỗi mỗi đều thù thắng, nên mọi người đều nghĩ rằng không thể một đức Phật và trong một thời gian ngắn mà giáo hóa họ được như vậy. Cho nên mới hỏi:

Ai vì đó nói pháp
Giáo hóa cho thành tựu
Từ ai, đầu phát tâm?

Xưng dương Phật pháp nào?
Thọ trì tu kinh gì?
Tu tập Phật đạo nào?

Mà họ có thể được đỉnh đạt như vậy.

Chính những câu hỏi này mà phát khởi ra thuyết về thọ lượng.

Chánh văn:

13. Các Bồ-tát như thế
Thần thông sức trí lớn
Đất bốn phương rúng nứt
Đều từ đất vọt lên
Thế Tôn! Con từ xưa
Chưa từng thấy việc đó
Xin Phật nói danh hiệu
Cõi nước của kia ở.
Con thường qua các nước
Chưa từng thấy chúng này
Con ở trong chúng đây
Bèn chẳng quen một người
Thoạt vậy từ đất lên
Mong nói nhân duyên đó.
Nay trong đại hội này

Vô lượng trăm nghìn ức
Các chúng Bồ-tát đây
Đều muốn biết việc này
Hàng Bồ-tát chúng kia
Gốc ngọn nhân duyên đó
Thế Tôn đức vô lượng
Cúi mong quyết lòng nghi.

Giảng giải:

Đoạn này hỏi:

Các Bồ-tát như thế
Thần thông sức trí lớn
Đất bốn phương rúng nứt
Đều từ đất vọt lên
Thế Tôn! Con từ xưa
Chưa từng thấy việc đó
Xin Phật nói danh hiệu
Cõi nước của kia ở.
Con thường qua các nước
Chưa từng thấy chúng này

Tức hỏi tên quốc độ mà họ từ đó đến. Cổ đức nói: *"Nếu không có quốc độ, thì gặp nhau chỗ nào"*, nên nói rằng:

Con ở trong chúng đây
Bèn chẳng quen một người
Thoạt vậy từ đất lên
Mong nói nhân duyên đó.
Nay trong đại hội này
Vô lượng trăm nghìn ức
Các chúng Bồ-tát đây
Đều muốn biết việc này
Hàng Bồ-tát chúng kia
Gốc ngọn nhân duyên đó
Thế Tôn đức vô lượng
Cúi mong quyết lòng nghi.

Nay đại chúng muốn biết nhân duyên của các Bồ-tát này, nên nguyện xin đức Thế Tôn giải quyết lòng nghi.

Chánh văn:

14. Khi ấy, các vị Phật của đức Thích-ca Mâu-ni phân thân, từ vô lượng nghìn muôn ức cõi nước ở phương khác đến, ngồi xếp bằng trên tòa Sư tử, dưới các cội cây báu nơi trong tám phương. Hàng thị giả của Phật đó, đều thấy đại chúng Bồ-tát ở bốn phương cõi Tam thiên đại thiên, từ đất vọt lên trụ trên hư không, đều

bạch với Phật mình rằng: "Thế Tôn! Các đại chúng vô lượng vô biên A-tăng-kỳ Bồ-tát đó, từ chốn nào đến?".

Lúc ấy, các đức Phật đều bảo với thị giả: "Các Thiện nam tử! Hãy chờ giây lát, hiện có vị Đại Bồ-tát tên là Di-lặc, là vị mà đức Thích-ca Mâu-ni Phật thọ ký kế đây sẽ làm Phật đã hỏi việc đó, đức Phật sẽ đáp, các ông tự đương, nhân đây mà được nghe".

Giảng giải:

Đoạn này nói hàng đệ tử theo hầu chư Phật phân thân đều riêng hỏi đức Phật mình. Đó là do nghi mà hỏi.

Chánh văn:

15. Bấy giờ, đức Thích-ca Mâu-ni Phật bảo ngài Di-lặc Bồ-tát: "Hay thay! Hay thay! A-dật-đa, bèn có thể hỏi Phật việc lớn như thế, các ông phải chung một lòng, mặc giáp tinh tấn, phát ý bền vững. Nay đức Như Lai muốn hiển phát tuyên bày trí huệ của các đức Phật, sức thần thông tự tại của các đức Phật, sức Sư tử mạnh nhanh của các đức Phật, sức oai thế mạnh lớn của các đức Phật".

Giảng giải:

Đoạn này nói việc đức Phật hứa sẽ giải đáp. Trước hết, Ngài khuyên đại chúng phải tinh tấn, vì

việc này rất khó tin. Ngài Di-lặc hiệu là A-dật-đa, cũng gọi là Vô Năng Thắng. Nói *"việc lớn"* nghĩa là trí huệ, thần thông, phấn tấn oai mãnh của chư Phật và sự hiển hóa nhân duyên của chúng Bồ-tát ở dưới đất vọt lên, đều là *"việc lớn"*. Nay sắp sửa tuyên bày, chẳng phải là người tinh tấn thì không thể lãnh thọ được, thế nên khuyên phải cố gắng.

Trí huệ của chư Phật, như trước đã nói, là thậm thâm vô lượng, nhưng ở đây chỉ lược nêu bày ra đó thôi. Một bề khai thị, tức là hôm nay tột nói về việc thành Phật rất lâu xa, giáo hóa số chúng sinh rất đông, và phẩm kế tiếp nói đến thọ lượng v.v... đều là *"hiển phát tuyên bày trí huệ của các đức Phật"*. *"Sức thần thông tự tại của các đức Phật"* như trước đã nói việc ba lần biến Tịnh độ, tiếp chúng sinh ở trên hư không, lấy ngón tay mở cửa tháp, và sau lại nói đức Phật dùng lưỡi trùm đến cõi Phạm Thiên, tiếng tằng hắng, đàn chỉ (khảy móng tay), âm thanh chấn động cả Đại thiên v.v... đều là sức thần thông tự tại cả. Nói *"sức Sư tử mạnh nhanh của các đức Phật"* là nói như loài Sư tử vùng vẫy xoay trở thì nó dùng hết sức của nó, không để sót một sức thừa nào, như

đức Như Lai dùng một âm thanh mà khắp nói tất cả pháp. Chư Phật phân thân đều nhóm họp lại để nói bổn thọ lượng, đều thẳng chỉ bày toàn thể Pháp thân, không pháp nào thừa, nên như Sư tử vùng vẫy vậy. Nói *"sức oai thế mạnh lớn của các đức Phật"* tức là nói sự giáo hóa số chúng sinh Bồ-tát rất đông từ đất vọt lên, là để nhổ phá sự chấp chặt của hàng Tam thừa, hàng phục ma Ngũ ấm và ma phiền não, đều nhờ sức oai mãnh đại thế vậy. Bốn câu nói trên, đức Phật tự thuật việc của mình vốn đầy đủ.

Suy đó, chư Phật đều hiển đạo đồng. Toàn thể đại dụng của Phật một bề ẩn kín mà chưa phát. Nay do chư Bồ-tát từ đất vọt lên, mới luận bàn về công đức, thọ lượng... các việc này đều là khó tin. Thế nên, khuyên hàng Bồ-tát phải mặc giáp tinh tấn, mới có thể tín thọ mà chẳng kinh nghi. Còn nói ngài Di-lặc là vị bổ xứ là muốn làm pháp thức cho tương lai.

Chánh văn:

16. Khi đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Phải một lòng tinh tấn
Ta muốn nói việc này
Chớ nên có nghi hối
Trí Phật chẳng nghĩ bàn.
Ông nay gắng sức tin
Trụ nơi trong nhẫn thiện
Chỗ pháp xưa chưa nghe
Nay đều sẽ được nghe.
Nay Ta an ủi ông
Chớ ôm lòng nghi sợ
Phật không lời chẳng thật
Trí huệ chẳng nghĩ bàn.
Phật đặng pháp bậc nhất
Rất sâu khó phân biệt
Như thế nay sẽ nói
Các ông một lòng nghe.

Giảng giải:

Bài kệ tụng lại lời hứa của đức Phật và khuyên đại chúng cố gắng lắng nghe. Những vấn đề như trí huệ, thần thông v.v... của chư Phật gồm bốn việc, vì không phải là tầm thường nên khó tin và dễ nghi. Bốn việc đều chung thuộc về trí huệ

của chư Phật, nên nói là *"trí Phật chẳng nghĩ bàn"* khi lòng tin không đủ sức mạnh thì cái tin không thể đến. Nói *"trụ nơi trong nhẫn thiện"* là trụ Vô sinh nhẫn mới có thể tin mà không nghi. Nay nói rằng trí huệ của Phật chẳng có thể nghĩ lường, là pháp đệ nhất thậm thâm không thể phân biệt. Mà nay nói ra đó, nên lập lại ba lần an ủi chớ sinh lòng nghi, khuyên đại chúng có sức tin mạnh mẽ và khéo lóng nghe.

Chánh văn:

17. Khi đức Thế Tôn nói kệ đó, bảo ngài Di-lặc Bồ-tát: "Nay Ta ở trong đại chúng này, tuyên bảo các ông. A-dật-đa! Các hàng Đại Bồ-tát vô lượng vô số A-tăng-kỳ, từ dưới đất vọt ra mà các ông từ xưa chưa từng thấy đó, chính Ta ở cõi Ta-bà lúc đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, giáo hóa chỉ dẫn các Bồ-tát đó, điều phục tâm kia khiến phát đạo tâm".

"Các vị Bồ-tát đó, ở phía dưới cõi Ta-bà, cõi đó trụ giữa hư không, ở trong các kinh điển đọc tụng thông lẹ, suy gẫm rõ hiểu, nghĩ tưởng chân chánh. A-dật-đa! Các Thiện nam tử đó chẳng thích ở trong chúng nhiều nói bàn, thường ưa ở chỗ vắng, siêng tu tinh tấn chưa từng thôi dứt. Cũng chẳng nương tựa người Trời mà ở,

thường ham trí huệ sâu, không có chướng ngại, cũng thường ham nơi pháp của đức Phật, chuyên lòng tinh tấn, cầu huệ Vô thượng".

Giảng giải:

Đoạn này, Phật đáp lại câu hỏi của ngài Di-lặc. Nói rằng *"các hàng Đại Bồ-tát vô lượng vô số A-tăng-kỳ, từ dưới đất vọt ra mà các ông từ xưa chưa từng thấy đó, chính Ta ở cõi Ta-bà lúc đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, giáo hóa chỉ dẫn các Bồ-tát đó, điều phục tâm kia khiến phát đạo tâm"*, đây là đáp lại các câu hỏi như: Ai vì họ mà giáo hóa khiến cho thành tựu? Họ theo ai mà phát tâm? Nói *"ở phía dưới cõi Ta-bà, cõi đó trụ giữa hư không"*, ý nói chẳng rời đương xứ (thực tại) để đáp chỗ cõi nước của họ từ nơi nào đến. Đối với các *"kinh điển đều đọc tụng thông lẹ"* là chánh ức niệm để trả lời họ thọ trì kinh gì. Nói các kinh đều thông thuộc, không chỉ một kinh, ý nói tất cả các pháp đều là Phật pháp. Nói *"chẳng thích ở trong chúng nhiều nói bàn"* để đáp câu họ tu hành Phật đạo nào, tức là nói họ đều từ nơi Chỉ Quán mà vào Phật huệ. *"Thường ưa ở chỗ vắng, siêng tu tinh tấn chưa từng thôi dứt, cũng*

chẳng nương tựa người trời mà ở", ý là tu tập thiền chỉ. Cổ đức nói: *"Ta chẳng từ nơi nhân thiên mà đến"*. Trong Luận Khởi Tín nói: *"Tu tập pháp Chỉ đó là chẳng nương nơi hình sắc thân tâm, thế giới v.v... tất cả đều lìa"*. Nói *"thường ham trí huệ sâu"* tức là tu tập quán, quán chiếu phân minh thì tất cả pháp đều là Thật tướng, ý cho rằng tất cả Bồ-tát muốn cầu Phật đạo đều phải từ tu Chỉ Quán mà thể nhập. Câu *"Hạ phương trong hư không"* là chánh chỉ bày biểu tượng của Chỉ và Quán. Nếu chẳng có Chỉ Quán thì chẳng đủ để phá Hằng hà sa trụ địa phiền não (vô minh hoặc tức sở tri chướng), thì không thể từ dưới đất mà vọt lên được (ý rằng: phá được Hằng sa phiền não mà vọt ra).

Chánh văn:

18. Lúc đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

A-dật ông nên biết!
Các Bồ-tát lớn này
Từ vô số kiếp lại
Tu tập trí huệ Phật,
Đều là Ta hóa độ

Khiến phát đại đạo tâm.
Chúng đó là con Ta
Y chỉ thế giới này
Thường tu hạnh đầu đà
Chí thích ở chỗ vắng
Bỏ đại chúng ồn náo
Chẳng ưa nói bàn nhiều,
Các vị đó như thế
Học tập đạo pháp Ta
Ngày đêm thường tinh tấn
Vì để cầu Phật đạo
Ở phương dưới Ta-bà
Trụ giữa khoảng hư không
Sức chí niệm bền vững
Thường siêng cầu trí huệ
Nói các món pháp mầu
Tâm kia không sợ sệt.
Ta ở thành Già-da
Ngồi dưới cội Bồ-đề
Thành bậc tối Chánh Giác
Chuyển pháp luân Vô thượng
Rồi mới giáo hóa đó
Khiến đều phát đạo tâm

Nay đều trụ Bất thối
Đều sẽ đặng thành Phật.
Nay Ta nói lời thật
Các ông một lòng tin
Ta từ lâu xa lại
Giáo hóa các chúng đó.

Giảng giải:

Đoạn kệ tụng này, lập lại lời đáp.

A-dật ông nên biết!
Các Bồ-tát lớn này
Từ vô số kiếp lại
Tu tập trí huệ Phật,
Đều là Ta hóa độ
Khiến phát đại đạo tâm.

Là kệ tụng đáp lời hỏi ai giáo hóa họ, họ theo ai mà phát tâm.

Chúng đó là con Ta
Y chỉ thế giới này
Thường tu hạnh đầu đà
Chí thích ở chỗ vắng
Bỏ đại chúng ồn náo
Chẳng ưa nói bàn nhiều,

Các vị đó như thế
Học tập đạo pháp Ta.

Là đáp lời hỏi thọ trì kinh gì, tu tập đạo nào. Đây là nói về pháp thiền chỉ.

Ngày đêm thường tinh tấn
Vì để cầu Phật đạo
Ở phương dưới Ta-bà
Trụ giữa khoảng hư không
Sức chí niệm bền vững
Thường siêng cầu trí huệ.

Lời tụng đáp là câu từ cõi nước nào đến, là nói về pháp thiền quán. Do vì cầu Phật đạo nên trụ trong hư không, vì siêng năng cầu trí huệ. Còn nói các diệu pháp đó là nói họ đã vào Phật huệ. Nói tâm vô sở úy là nói hai pháp trang nghiêm đầy đủ. Hai câu này nói về đức độ của họ (Bồ-tát).

Ta ở thành Già-da
Ngồi dưới cội Bồ-đề
Thành bậc tối Chánh Giác
Chuyển pháp luân Vô thượng
Rồi mới giáo hóa đó
Khiến đều phát đạo tâm

Nay đều trụ Bất thối
Đều sẽ đặng thành Phật.

Là tụng nhân duyên bổn mạt từ thành Già-da thành đạo. Nói Tích (Tích: Quyền hiện) gần mà giáo hóa thành đạo là ý chỉ cho nhân duyên xa xưa. Thế nên, ngài Di-lặc từ đây sinh nghi. Nói thí dụ cha trẻ mà con già, để phát khởi việc luận bàn về Thọ Lượng của Phật, cũng để hiển bày nơi Bổn (Bổn: thật) vậy.

Nay Ta nói lời thật
Các ông một lòng tin
Ta từ lâu xa lại
Giáo hóa các chúng đó.

Tụng kết các hỏi đáp ở trên. Đã gọi là khiến cho họ ban đầu phát tâm, lại nói việc giáo hóa để thành Phật lâu xa. Sự thì gần mà lại nói xa, việc này khó tin. Do đó, đức Phật mới lấy lời chân thật để dặn dò, ý muốn chớ có sinh lòng nghi mà quyết phải tin. Việc này chắc có nguyên do, nên đại chúng sinh nghi.

Chánh văn:

19. Lúc bấy giờ, ngài Di-lặc Đại Bồ-tát cùng vô số

chúng Bồ-tát, lòng sinh nghi hoặc, lấy làm lạ chưa từng có mà nghĩ rằng: "Thế nào đức Thế Tôn ở trong thời gian rất ngắn mà có thể giáo hóa vô lượng vô biên A-tăng-kỳ các Đại Bồ-tát đó, làm cho trụ nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác".

Liền bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Đức Như Lai lúc làm Thái tử rời khỏi cung dòng Thích, ngồi nơi Đạo Tràng cách thành Già-da chẳng bao xa, đặng thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Từ đó đến nay mới hơn bốn mươi năm, đức Thế Tôn thế nào ở trong thời gian ngắn đó làm nên Phật sự lớn! Do thế lực của Phật, do công đức của Phật, giáo hóa vô lượng chúng Bồ-tát lớn như thế sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác?".

"Thế Tôn! Chúng Đại Bồ-tát này giả sử có người trong nghìn muôn ức kiếp đếm không thể hết, chẳng đặng ngằn mé, chúng đó từ lâu nhẫn lại, ở nơi vô lượng vô biên các đức Phật, trồng các cội căn lành, thành tựu đạo Bồ-tát, thường tu phạm hạnh".

"Thế Tôn! Việc như thế đời rất khó tin".

Giảng giải:

Đoạn này nói về đại chúng sinh lòng nghi, ý cho rằng đức Thế Tôn thành đạo chưa bao lâu, làm sao giáo hóa được số chúng đông như thế,

mỗi mỗi đều khiến trụ nơi Bồ-đề. Đây thì Tích gần nhưng chỉ (sự) thì xa, nên đáng nghi vậy. Nhưng đại chúng nghĩ rằng: *"Ngài Di-lặc thưa thỉnh: Thế Tôn! Đức Như Lai lúc làm Thái tử rời khỏi cung dòng Thích, ngồi nơi Đạo Tràng cách thành Già-da chẳng bao xa, đặng thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Từ đó đến nay mới hơn bốn mươi năm, đức Thế Tôn thế nào ở trong thời gian ngắn đó làm nên Phật sự lớn!"*, đây là chấp vào Tích gần. Nghĩ rằng: Tại sao thời gian ngắn mà giáo hóa chúng đông như vậy đều thành quả Bồ-đề, đây là Chỉ (sự) rất xa nên dễ nghi ngờ. Huống gì các Bồ-tát đều vốn trồng gốc đức lâu xa, không phải trong thời gian ngắn mà có thể thành tựu được. Việc này trong đời rất khó tin.

Chánh văn:

20. Thí như có người sắc đẹp tóc đen, tuổi hai mươi lăm, chỉ người trăm tuổi, nói đó là con của ta. Người trăm tuổi nọ cũng chỉ gã tuổi nhỏ, nói là cha ta, đẻ nuôi ta thảy, việc đó khó tin.

Giảng giải:

Đây là đặt ra thí dụ để so sánh điều nghi về thời gian ngắn không thể giáo hóa chúng đông như

vậy. Tuổi hai mươi lăm là nói rất trẻ, một trăm tuổi là nói rất già. Trẻ là dụ cho đức Thích-ca, còn già là dụ cho chúng Bồ-tát đông đảo từ đất vọt lên, trái nhau lắm vậy. Thế nên, cả thế gian đều sinh lòng nghi ngờ.

Chánh văn:

21. Đức Phật cũng như thế. Từ lúc thành đạo nhẫn đến nay, kỳ thật chưa bao lâu, mà các đại chúng Bồ-tát đó, đã ở nơi vô lượng nghìn muôn ức kiếp, vì Phật đạo nên siêng tu tinh tấn, khéo nhập xuất trụ nơi vô lượng nghìn muôn ức Tam-muội, đặng thần thông lớn, tu hạnh thanh tịnh đã lâu, khéo hay thứ đệ tập các pháp lành, giỏi nơi vấn đáp, là báu quý trong loài người, tất cả thế gian rất là ít có.

Ngày nay đức Thế Tôn mới nói, lúc đặng Phật đạo, bắt đầu khiến kia phát tâm, giáo hóa chỉ dạy dìu dắt, làm cho kia hướng về Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đức Thế Tôn thành Phật chưa bao lâu mà bèn có thể làm được việc công đức lớn này.

Giảng giải:

Đoạn này nói về pháp phù hợp với Thí dụ. Câu: *"Từ lúc thành đạo nhẫn đến nay, kỳ thật chưa bao lâu"* là hợp với dụ cha trẻ. Câu: *"Mà các đại*

chúng Bồ-tát đó, là báu quý trong loài người, tất cả thế gian rất là ít có" là hợp với dụ con già. Ngày nay, Thế Tôn làm công đức lớn này hợp với dụ trái hẳn nhau, nói *"các đại chúng Bồ-tát đó khéo nhập xuất trụ nơi vô lượng nghìn muôn ức Tam-muội"*. Hơn nữa, đại chúng chưa thấy biểu hiện gì mà Di-lặc lại nói họ đều đắc Tam-muội. Diệu dụng tự tại như thế đó, lại chẳng phải không biết, cho nên đoạn dưới đây tự nói là tin lời Phật dạy.

Chánh văn:

22. Chúng con dù lại tin Phật tùy cơ nghi nói pháp, lời Phật nói ra chưa từng hư vọng, chỗ Phật biết thảy đều thông suốt, nhưng các Bồ-tát mới phát tâm, sau khi Phật diệt độ, nếu nghe lời này hoặc chẳng tin nhận, sinh nhân duyên tội nghiệp phá chánh pháp.

Kính thưa Thế Tôn! Mong vì chúng giải nói trừ lòng nghi của chúng con, và các Thiện nam tử đời vị lai nghe việc này rồi cũng chẳng sinh nghi.

Giảng giải:

Đoạn này nói ngài Di-lặc Bồ-tát vì chúng sinh đời sau mà thưa thỉnh với Phật để giải quyết lòng nghi. Ngài Di-lặc tự trình bày, theo Phật đã

lâu, tin lời nói của Phật. Tuy nhiên, trí huệ của Phật đều thông đạt mọi pháp, nên không chỗ nào không biết, đối với vấn đề này tất nhiên không hoài nghi, chỉ sợ rằng hàng tân học Bồ-tát, trí cạn, tâm thô. Hơn nữa, sau khi Phật diệt độ, khi nghe lời này mà lòng không tin thì mắc phải tội phá pháp. Cho nên, xin Phật nói rõ để phá điều nghi, do vậy khẩn thỉnh đức Phật. Nếu đức Như Lai không lấy thuyết Thọ Lượng để đáp, thì sự nghi lâu dài khó mà giải được. Thế nên, đại chúng Bồ-tát từ đất vọt lên là để phát khởi cội gốc của Thọ Lượng vậy.

Chánh văn:

23. Lúc đó, ngài Di-lặc muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Phật xưa từ dòng Thích
Xuất gia gần Già-da
Ngồi dưới cây Bồ-đề
Đến nay còn chưa xa.
Các hàng Phật tử này
Số đông không thể lường
Lâu đã tu Phật đạo

Trụ nơi sức thần thông.
Khéo học đạo Bồ-tát
Chẳng nhiễm pháp thế gian
Như hoa sen trong nước
Từ đất mà vọt ra.
Đều sinh lòng cung kính
Đứng nơi trước Thế Tôn,
Việc đó khó nghĩ bàn
Thế nào mà tin được.
Phật đặng đạo rất gần
Chỗ thành tựu rất nhiều
Mong vì trừ lòng nghi
Như thật phân biệt nói.
Thí như người trẻ mạnh
Tuổi mới hai mươi lăm
Chỉ người trăm tuổi già
Tóc bạc và mặt nhăn:
Bọn này của ta sinh
Con cũng nói là cha
Cha trẻ mà con già
Mọi người đều chẳng tin.
Thế Tôn cũng như thế
Đặng đạo đến nay gần

Các chúng Bồ-tát này
Chí vững không khiếp nhược
Từ vô lượng kiếp lại
Mà tu đạo Bồ-tát.
Giỏi nơi gạn hỏi đáp
Tâm kia không sợ sệt
Nhẫn nhục lòng quyết định
Đoan chánh có oai đức
Mười phương Phật khen ngợi
Khéo hay phân biệt nói
Chẳng thích ở trong chúng
Thường ưa ở thiền định,
Vì cầu Phật đạo vậy
Trụ hư không phương dưới
Chúng con từ Phật nghe
Nơi việc này không nghi
Nguyện Phật vì người sau
Diễn nói khiến rõ hiểu,
Nếu người ở kinh này
Sinh nghi lòng chẳng tin
Liền phải đọa đường dữ
Mong nay vì giải nói:
Vô lượng Bồ-tát đó

Thế nào thời gian ngắn
Giáo hóa khiến phát tâm
Mà trụ bậc Bất thối?

Giảng giải:

Đoạn kệ tụng này trình bày chỗ nghi.

Phật xưa từ dòng Thích
Xuất gia gần Già-da
Ngồi dưới cây Bồ-đề
Đến nay còn chưa xa.
Các hàng Phật tử này
Số đông không thể lường
Lâu đã tu Phật đạo
Trụ nơi sức thần thông.
Khéo học đạo Bồ-tát
Chẳng nhiễm pháp thế gian
Như hoa sen trong nước
Từ đất mà vọt ra.
Đều sinh lòng cung kính
Đứng nơi trước Thế Tôn,
Việc đó khó nghĩ bàn
Thế nào mà tin được.
Phật đặng đạo rất gần

Chỗ thành tựu rất nhiều
Mong vì trừ lòng nghi
Như thật phân biệt nói.

Là trình bày sự chấp cái gần, nghi ngờ cái lâu. Thế nên, mới phát khởi ra lời hỏi này. Nói *"như hoa sen trong nước"* là khen ngợi cái đức chẳng nhiễm.

Thí như người trẻ mạnh
Tuổi mới hai mươi lăm
Chỉ người trăm tuổi già
Tóc bạc và mặt nhăn:
Bọn này của ta sinh
Con cũng nói là cha
Cha trẻ mà con già
Mọi người đều chẳng tin.

Đó là nói lập lại điều dụ.

Thế Tôn cũng như thế
Đặng đạo đến nay gần
Các chúng Bồ-tát này
Chí vững không khiếp nhược
Từ vô lượng kiếp lại
Mà tu đạo Bồ-tát.

Giỏi nơi gạn hỏi đáp
Tâm kia không sợ sệt
Nhẫn nhục lòng quyết định
Đoan chánh có oai đức
Mười phương Phật khen ngợi
Khéo hay phân biệt nói
Chẳng thích ở trong chúng
Thường ưa ở thiền định,
Vì cầu Phật đạo vậy
Trụ hư không phương dưới.

Là nói về oai đức lão thành của đại chúng.

Chúng con từ Phật nghe
Nơi việc này không nghi
Nguyện Phật vì người sau
Diễn nói khiến rõ hiểu,
Nếu người ở kinh này
Sinh nghi lòng chẳng tin
Liền phải đọa đường dữ
Mong nay vì giải nói:
Vô lượng Bồ-tát đó
Thế nào thời gian ngắn
Giáo hóa khiến phát tâm

Mà trụ bậc Bất thối?

Là nói vì đời sau mà khải thỉnh đức Phật giải quyết lòng nghi vậy.

*

MƯỜI SÁU

Phẩm Như Lai thọ lượng

Ý có phẩm này là từ phẩm trước có chúng Bồ-tát từ dưới đất vọt lên, ngài Di-lặc sinh lòng nghi. Thế nên, đức Thế Tôn nói thọ lượng của mình để hiển bày Bổn và Tích đều vi diệu. Nói hết bản hoài để phá cái thấy sinh diệt của hàng Nhị thừa, hiển lộ Pháp thân thường trụ, tùy duyên khắp ứng, ẩn hiện vô ngại. Qua đó, làm sáng tỏ ý trí huệ thậm thâm vô lượng, phương tiện lợi sinh

của Như Lai. Môn trí huệ đó khó hiểu khó vào. Tuy nhiên, vì người tu hành chẳng thấu rõ Pháp thân, thì trọn chẳng phải là chân ngộ, mảy may tình niệm chưa quên đều thuộc về Tri kiến của chúng sinh, không phải là Tri kiến của Phật.

Phẩm Hiện Bảo Tháp ở trước đã nói, nhờ đức Đa Bảo Như Lai hiện bày cảnh giới Pháp thân, mà đại chúng có lòng tin nơi đức Đa Bảo, nhưng lại không tin rằng đức Thích-ca và đức Đa Bảo là một thân, một trí huệ lực[1]. Do hàng Thanh văn từ xưa chỉ thấy đức Phật thuyết pháp nơi vườn Lộc Uyển là chân Phật, mà chẳng biết có việc hướng thượng. Lại nghe đức Phật muốn nhập Niết-bàn, nên khởi ra kiến chấp sinh diệt. Dù mong được Phật thọ ký, chỉ tin vào lời Phật dạy mà chưa thấy được Phật tâm. Đây là điều khó đạt được quả Bồ-đề. Nếu ngộ mà không phải là chân ngộ, thì tu không phải là thật tu, như vậy thì bản hoài xuất thế của Như Lai rốt ráo chưa cùng tận. Thế nên, các phẩm trước dùng nhiều phương tiện để khai thị, thuộc

---

[1] Tin Phật Đa Bảo là vì thấy toàn thân không rã, còn không tin nơi Phật Thích-ca vì thấy còn bị sinh diệt chi phối (có đản sinh, có Niết-bàn).